

PHẠM THỊ THU HÀ*

NGHỀ THUỐC NAM CỦA NGƯỜI DAO Ở XÃ BA VÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI: THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA¹

Tóm tắt: Bài viết làm rõ thực trạng nghề thuốc nam của người Dao ở xã Ba Vì, thành phố Hà Nội trên các khía cạnh: quan niệm về sử dụng thuốc nam hiện nay; sự thay đổi về nguồn dược liệu; hiện đại hóa quy trình chế biến và bảo quản thuốc nam; đổi mới trong cách thức tổ chức sản xuất của nghề thuốc; mở rộng thị trường và tạo dựng thương hiệu cho sản phẩm thuốc nam. Từ hoạt động kinh tế phụ trợ trong truyền thống, hiện nay nghề thuốc nam đã vươn lên trở thành sinh kế chính, góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập và giảm nghèo cho các hộ gia đình. Tuy nhiên, nghề thuốc nam cũng đang phải đối mặt với một số khó khăn như: suy giảm nguồn dược liệu tự nhiên, thách thức trong hội nhập thị trường và năng lực cạnh tranh, bất cập về hành lang pháp lý và sự mai một tri thức dân gian. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số kiến nghị nhằm bảo tồn và phát triển nghề thuốc nam của người Dao trong bối cảnh hội nhập.

Từ khóa: Sinh kế tộc người, nghề thuốc nam, người Dao, Ba Vì, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 30/10/2025; ngày phản biện: 07/11/2025; ngày duyệt đăng: 12/11/2025.

Mở đầu

Trong đời sống văn hóa của các tộc người thiểu số ở Việt Nam, tri thức y học dân gian, đặc biệt là nghề thuốc nam chiếm vị trí quan trọng không chỉ trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng mà còn phản ánh mối quan hệ hài hòa giữa con người và tự nhiên. Đối với người Dao - một tộc người nổi tiếng với kho tàng tri thức về dược liệu, nghề thuốc nam là sự kết tinh của kinh nghiệm dân gian lâu đời, thể giới quan tín ngưỡng và đạo lý nghề nghiệp được truyền nối qua nhiều thế hệ. Những bài thuốc tẩm, thuốc xông, thuốc uống của người Dao từ lâu đã trở thành một phần của di sản văn hóa, thể hiện khả năng thích ứng và sáng tạo của cộng đồng trong môi trường sinh thái miền núi.

Người Dao ở xã Ba Vì thuộc nhóm Dao Quần Chẹt - một trong những cộng đồng Dao tiêu biểu ở vùng đồng bằng trung du Bắc Bộ còn duy trì khá nguyên vẹn nghề thuốc nam truyền thống. Trải qua quá trình di cư từ miền núi phía Bắc về định cư dưới chân núi Ba Vì, người Dao đã sớm thích ứng với môi trường sinh thái mới nhưng vẫn giữ được nghề thuốc như một biểu tượng văn hóa đặc trưng. Theo Nghị quyết số 15/2008/QH 12 của Quốc hội khóa XII, từ ngày 01/8/2008, Thủ đô Hà Nội được điều chỉnh và mở rộng địa giới hành chính, trong đó huyện Ba Vì (cũ) được sáp nhập vào thành phố. Sự mở rộng địa giới hành chính này đã đưa người Dao ở

* Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Email: phamthuha5187@gmail.com.

¹ Bài viết là kết quả của Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm 2025: “Sinh kế hiện nay của người Dao ở xã Ba Vì, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội”, do ThS. Phạm Thị Thu Hà làm chủ nhiệm, Viện Dân tộc học và Tôn giáo học là tổ chức chủ trì.

xã Ba Vì từ cộng đồng dân cư miền núi trở thành công dân của một trong những đô thị lớn nhất cả nước. Điều này làm cho xã Ba Vì trở thành một vùng ven đô đặc biệt - nơi văn hóa truyền thống của người Dao được bảo tồn trong sự giao thoa với quá trình hiện đại hóa của thành phố.

Cho đến nay, đã có một số nghiên cứu về nghề thuốc nam của người Dao như: Trần Hồng Hạnh (2002), Vũ Thị Hồng (2005), Bùi Quốc Khánh (2014), Nguyễn Thị Tám (2016),... Các nghiên cứu này đã hệ thống hóa bước đầu về tri thức bản địa của người Dao trong nhận biết, thu hái và sử dụng cây thuốc; quan niệm về ốm đau, bệnh tật và cách thức truyền nghề; cách chế biến và bảo quản dược liệu; mối liên hệ giữa các bài thuốc với phong tục, tín ngưỡng của người Dao,... Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở mô tả tri thức về cây thuốc cùng những bài thuốc dân gian trong chăm sóc sức khỏe mà chưa đi sâu phân tích sự năng động, thích ứng của người Dao với nghề thuốc nam trong bối cảnh kinh tế thị trường; sự biến đổi của nghề thuốc trong đời sống đương đại hay mối quan hệ giữa tri thức, sinh kế và văn hóa. Dựa trên nghiên cứu thực địa tại thôn Hợp Sơn, xã Ba Vì, thành phố Hà Nội vào tháng 6/2025, với việc sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm, bài viết tập trung phân tích thực trạng và một số vấn đề đặt ra trong nghề thuốc nam của người Dao dưới góc nhìn Dân tộc học/Nhân học. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số kiến nghị nhằm bảo tồn và phát triển nghề thuốc nam của người Dao theo hướng bền vững.

1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu và nghề thuốc nam truyền thống của người Dao ở thôn Hợp Sơn, xã Ba Vì

Ba Vì là một xã miền núi thuộc huyện Ba Vì (cũ), thành phố Hà Nội, có tổng diện tích tự nhiên 2.540,69 ha và dân số 2.504 người; trong đó 98% là dân tộc Dao, 2% dân số còn lại là người Mường và người Kinh (UBND xã Ba Vì, 2024b). Xã gồm có 3 thôn: Hợp Nhất, Hợp Sơn và Yên Sơn, liên kết với nhau bởi dãy núi Ba Vì (BCH Đảng bộ xã Ba Vì, 2019). Ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 1656/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hà Nội, trong đó xã Ba Vì mới được thành lập trên cơ sở sáp nhập 03 xã: Ba Vì, Khánh Thượng và một phần còn lại của xã Minh Quang với diện tích 81,27km², dân số 26.651 người².

Hợp Sơn là thôn nằm gần trung tâm UBND xã Ba Vì, có 148 hộ với 587 nhân khẩu, trong đó 120/148 hộ làm nghề thuốc nam (chiếm 75,6%) (UBND xã Ba Vì, 2021). Mặc dù xã Ba Vì hiện có ba thôn nổi tiếng với nghề thuốc nam là Hợp Sơn, Hợp Nhất và Yên Sơn nhưng trong nghiên cứu này tôi chọn thôn Hợp Sơn làm điểm nghiên cứu sâu bởi thôn có số hộ làm nghề thuốc đông nhất, hơn nữa nghề thuốc ở đây được bảo tồn và thực hành liên tục qua nhiều thế hệ. Điều này cho thấy vai trò quan trọng của nghề thuốc trong đời sống kinh tế - văn hóa của người Dao.

Lịch sử nghề thuốc nam của người Dao ở thôn Hợp Sơn gắn với quá trình di cư và thích nghi của họ tại vùng núi Ba Vì từ đầu thế kỷ XX (Nguyễn Phúc Quyền, 1995). Khi đặt chân đến đây để an cư lập nghiệp, người Dao phải sống ở lưng chừng núi cao, dựa phần lớn vào tự nhiên

² Tư liệu bài viết được thu thập trước thời điểm ngày 01/7/2025 nên trong báo cáo này, tác giả vẫn sử dụng tên gọi và số liệu của đơn vị hành chính cũ.

để sinh tồn. Điều kiện sống tách biệt khiến họ khó tiếp cận được với các cơ sở y tế nên mỗi khi ốm đau, họ phải tự tìm kiếm cây rừng để chữa bệnh. Trong bối cảnh đó, tri thức về cây thuốc được hình thành và tích lũy qua nhiều thế hệ. Rừng núi Ba Vì là nơi có điều kiện tự nhiên nguyên sơ, khí hậu nhiệt đới, là vùng thực vật lý tưởng để người Dao khai thác dược liệu. Theo khảo cứu của Trung tâm Môi trường và Phát triển cộng đồng, trong 1.209 loài thực vật của Vườn Quốc gia Ba Vì, người Dao sử dụng tới 507 loài cây cỏ để làm thuốc chữa bệnh (Trung tâm Môi trường và Phát triển cộng đồng, 2012). Mỗi dược liệu đều có tên gọi bằng tiếng Dao bên cạnh tên phổ thông, điều này cho thấy họ là chủ nhân của kho tàng tri thức bản địa này.

Trong truyền thống, nghề thuốc nam của người Dao ở thôn Hợp Sơn chỉ được coi là một nghề bổ trợ cho kinh tế gia đình. Trước đây, số lượng thầy lang người Dao làm thuốc thường khá hạn chế bởi nghề thuốc nam được coi là bí quyết gia truyền. Khi trong gia đình có người ốm, người dân thường tìm đến nhà thầy lang để xin thuốc chữa bệnh. Sau khi khỏi bệnh, người được chữa trị sẽ mang những sản phẩm nông nghiệp như gà, gạo nếp, chai rượu... đến cảm ơn thầy thuốc. Với quan niệm “chữa bệnh cứu người là làm phúc”, các thầy lang luôn đặt tấm lòng nhân ái lên trước, vì vậy họ được cộng đồng kính trọng không chỉ bởi kinh nghiệm chữa trị mà còn ở nghĩa cử nhân văn sâu sắc.

Xưa kia, tri thức về thuốc nam của người Dao ở thôn Hợp Sơn được truyền lại chủ yếu qua truyền miệng, hầu như không ghi chép thành sách. Từ nhỏ, trẻ em đã được ông bà, cha mẹ dẫn vào rừng để học nhận biết cây thuốc, cách thu hái và công dụng của từng loài. Khi đã nắm vững tri thức về dược liệu, họ mới truyền dạy những kỹ năng cao hơn như chẩn đoán bệnh và bốc thuốc (Chữ Thị Thu Hà, 2020). Quy trình chế biến thuốc được thực hiện thủ công, đòi hỏi sự kiên trì, cẩn trọng và đặc biệt là đạo đức nghề nghiệp bởi đây là kho tàng bí quyết gia truyền quý báu của mỗi dòng họ. Mặc dù không phải là nghề kiếm sống chính song nghề thuốc nam vẫn giữ một vai trò quan trọng trong việc cải thiện đời sống kinh tế của các gia đình người Dao. Trước hết, việc bốc thuốc và chữa bệnh giúp các gia đình thầy lang luôn có thêm nguồn lương thực, thực phẩm từ lễ vật tạ ơn của người bệnh, góp phần giảm bớt gánh nặng mưu sinh khi kinh tế khó khăn. Bên cạnh đó, nhờ tay nghề giỏi và uy tín, gia đình các thầy thuốc thường có vị thế cao hơn trong bản, dễ dàng nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ từ cộng đồng những khi thiếu thốn. Ở một số thời điểm, việc mang thuốc đến chợ phiên để trao đổi đã trở thành nguồn thu phụ, giúp gia đình có thêm vật dụng thiết yếu mà nương rẫy không thể cung cấp. Theo thời gian, danh tiếng của thuốc dân tộc Dao ngày càng lan xa, các thầy lang ở thôn Hợp Sơn còn mang thuốc đi bán khắp các tỉnh miền Bắc và Bắc Trung Bộ. Dù không phải là sinh kế chính, nhưng trong truyền thống, nghề thuốc nam vẫn đóng vai trò như một trụ đỡ kinh tế, tạo ra những giá trị bền vững giúp nhiều gia đình người Dao vượt qua khó khăn và củng cố vị thế trong cộng đồng.

2. Thực trạng nghề thuốc nam của người Dao ở thôn Hợp Sơn

2.1. Sự thay đổi trong quan niệm về sử dụng thuốc nam của người Dao

Trong truyền thống, nghề thuốc nam của người Dao ở thôn Hợp Sơn chỉ tồn tại dưới hình thức bí truyền trong nội bộ gia đình và dòng họ, chủ yếu phục vụ việc chữa bệnh cho người thân và những người tin tưởng. Khi di cư xuống chân núi Ba Vì, với điều kiện đất canh

tác hạn chế và thiếu nghề phụ, người Dao đã phát huy tri thức về thuốc nam như một kế sinh nhai. Nhiều gia đình đã mạnh dạn công khai và thương mại hóa các bài thuốc, mở rộng chữa bệnh cho người ngoài cộng đồng và tạo dựng danh tiếng rộng rãi. Bên cạnh việc kinh doanh tại nhà, nhiều thầy lang còn cung cấp dược liệu cho các cơ sở Đông y tại Hà Nội và các tỉnh lân cận, đồng thời trực tiếp thăm khám, điều trị cho bệnh nhân ở xa. Qua đó, họ không chỉ nâng cao năng lực kinh doanh, mà còn thể hiện sự thích nghi linh hoạt, đưa tri thức dân gian về thuốc nam đến với cộng đồng một cách hiệu quả.

Trong lịch sử, thuốc nam của người Dao ở thôn Hợp Sơn nổi tiếng với khả năng chữa các bệnh xương khớp, dạ dày, da liễu và phục hồi sức khỏe sau sinh,... Theo thời gian và sự nhận thức ngày càng cao về tầm quan trọng của sức khỏe dự phòng, việc sử dụng thuốc nam đã được mở rộng sang phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe tổng thể. Nhiều bài thuốc được điều chỉnh hoặc phát triển mới để dùng hàng ngày, giúp tăng cường sức đề kháng và ngăn ngừa bệnh tật, điển hình như trà lá khô (trị bệnh dạ dày), trà giải độc gan, cao thảo dược, túi ngâm chân thảo dược (hỗ trợ lưu thông khí huyết và giảm mệt mỏi),... Sự thay đổi này phản ánh xu hướng chăm sóc sức khỏe chủ động ở người Dao, đồng thời, khẳng định giá trị bền vững của y học cổ truyền trong việc nâng cao sức khỏe cộng đồng.

Trước đây, người Dao thường tin tưởng tuyệt đối vào các bài thuốc nam gia truyền. Tuy nhiên hiện nay, họ đã nhận thức được tầm quan trọng của việc kết hợp thuốc nam với y học hiện đại, chủ động tìm hiểu tác dụng dược lý, thành phần hóa học của cây thuốc, đồng thời chú trọng nguồn gốc rõ ràng và quy trình sản xuất đảm bảo nhằm nâng cao niềm tin cho người sử dụng. Sự chuyển biến này không chỉ phản ánh sự giao thoa giữa truyền thống và hiện đại, mà còn thể hiện khả năng thích nghi của nghề thuốc nam trong bối cảnh hội nhập.

2.2. Sự thay đổi về nguồn dược liệu

Trước đây, người Dao ở thôn Hợp Sơn sinh sống ở độ cao 600m - 800m nên nguồn dược liệu của họ chủ yếu dựa vào núi rừng Ba Vì. Tuy nhiên, việc khai thác tự phát kéo dài nhiều năm đã khiến nguồn dược liệu suy giảm nghiêm trọng, nhiều loài cây trở nên khan hiếm. Đặc biệt, từ khi Vườn Quốc gia Ba Vì được thành lập năm 1991, các quy định nghiêm ngặt về bảo vệ rừng như cấm phát rừng, đốt nương, thu hái lâm sản đã khiến người Dao không còn không gian để trồng và khai thác cây thuốc như trước (Chữ Thị Thu Hà, 2020). Trước bối cảnh đó, họ buộc phải mang cây thuốc con từ rừng về trồng trong vườn nhà. Năm 2022, toàn xã Ba Vì đã quy hoạch được hơn 30ha vùng trồng dược liệu theo hướng an toàn (UBND thành phố Hà Nội, 2023). Riêng ở thôn Hợp Sơn, hầu như gia đình người Dao nào cũng có một mảnh vườn trồng dược liệu với diện tích từ 500m² - 2000m² tùy vào quy mô đất đai của từng hộ. Việc đưa dược liệu về trồng tại nhà không chỉ góp phần bảo tồn những giống cây quý mà còn giúp người dân chủ động nguồn nguyên liệu, giảm phụ thuộc vào khai thác tự nhiên. Tuy nhiên, do diện tích đất canh tác ở thôn Hợp Sơn hạn chế khiến người dân không thể trồng đủ số lượng và đa dạng các loại cây thuốc cần thiết. Vì vậy, trong khoảng hơn 10 năm trở lại đây, khoảng 80% hộ gia đình người Dao ở thôn Hợp Sơn đã phải chuyển sang nhập dược liệu từ các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc như Lai Châu, Lào Cai, Lạng Sơn, Phú Thọ,... Qua đó, giúp người Dao đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn

định quanh năm, đặc biệt với những cây thuốc không thể trồng tại địa phương do điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng không phù hợp.

2.3. Hiện đại hóa quy trình chế biến và đổi mới cách thức tổ chức sản xuất trong nghề thuốc

Trước đây, nghề làm thuốc của người Dao được làm hoàn toàn thủ công: dược liệu được rửa, thái bằng tay, phơi nắng tự nhiên và nấu cao bằng bếp củi. Hiện nay, nhờ ứng dụng khoa học - công nghệ, các công đoạn làm thuốc đã được cải tiến rõ rệt, gồm: máy thái thuốc, máy sấy, nồi cô cao chân không, giúp cho quá trình chế biến thuốc sạch, an toàn và giữ được hoạt chất tốt hơn. Công tác bảo quản thuốc nam cũng chuyên nghiệp hơn, thuốc được đóng gói trong bao bì chuyên dụng, có nhãn mác và thậm chí hút chân không để kéo dài thời gian sử dụng. Bên cạnh dạng thuốc tươi hoặc khô truyền thống, hiện nay các bài thuốc được phát triển thành nhiều sản phẩm tiện lợi như cao, bột, viên hoàn, thuốc nước, thuốc đắp hay trà túi lọc, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

Trong truyền thống, lao động trong nghề thuốc được phân công theo giới và độ tuổi: đàn ông đảm nhiệm những công việc nặng nhọc, lên rừng sâu tìm cây thuốc quý; phụ nữ giữ vai trò trung tâm trong chế biến và bốc thuốc; trẻ em, nhất là bé gái, được dạy nhận diện cây thuốc từ rất sớm và phụ giúp cha mẹ phơi thuốc. Mô hình sản xuất nhỏ, tự cung - tự cấp đã gắn kết các thành viên trong gia đình, tạo nên bản sắc văn hóa của cộng đồng. Hiện nay, từ quy mô hộ gia đình, hoạt động sản xuất đã phát triển theo hướng chuyên nghiệp với sự ra đời của các hợp tác xã (HTX). Năm 2025, trên địa bàn xã Ba Vì có 10 HTX, đóng vai trò quan trọng trong liên kết sản xuất - tiêu thụ, xây dựng thương hiệu và bảo tồn tri thức bản địa (UBND xã Ba Vì, 2024b). Thay vì sản xuất nhỏ lẻ tại từng hộ, HTX đã thiết lập cơ cấu quản lý chuyên nghiệp, phân công công việc cụ thể cho từng thành viên, từ thu hái nguyên liệu đến chế biến, đóng gói và tiếp thị sản phẩm. Đồng thời, HTX còn xây dựng thương hiệu, giúp các sản phẩm thuốc nam ở Ba Vì trở nên uy tín hơn trên thị trường, nhiều sản phẩm đạt chuẩn OCOP 4 sao như trà bồ thận, cao dưỡng khớp, trà dây gắm, trà thìa canh,... Thông qua việc khai thác các nguồn dược liệu quý, HTX giúp tạo sinh kế và nâng cao thu nhập cho cộng đồng người Dao, đóng góp vào sự phát triển kinh tế chung của địa phương. Năm 2024, HTX Nam Dược Tản Viên Sơn đã tạo việc làm thường xuyên cho 40 lao động (UBND xã Ba Vì, 2024c).

2.4. Mở rộng thị trường và tạo dựng thương hiệu cho sản phẩm thuốc nam

Hiện nay, sản phẩm thuốc nam của người Dao không chỉ được bán lẻ, trực tiếp tại địa phương mà còn được phân phối qua các kênh hiện đại như chuỗi nhà thuốc, siêu thị, sàn thương mại điện tử (Lazada, Shopee) và mạng xã hội như Facebook, YouTube, TikTok. Đặc biệt, họ đã thiết lập một số trang Web hoặc Fanpage riêng để khách hàng thuận tiện tìm kiếm và mua hàng. Việc livestream để quảng bá và bán thuốc nam hàng ngày là một xu hướng mới mà người Dao đã tiếp cận, nhất là những người trẻ. Điều này giúp cho sản phẩm thuốc nam được mở rộng thị trường đến người tiêu dùng trong và ngoài nước, góp phần tăng thu nhập cho người dân và quảng bá văn hóa, y học cổ truyền của người Dao.

Ngoài việc mở rộng thị trường tiêu thụ, sản phẩm thuốc nam của người Dao cũng ngày càng được chuẩn hóa về bao bì, nhãn mác để nâng cao thương hiệu. Trong đó, HTX Nam Dược Tân Viên Sơn, HTX Thảo dược dân tộc Dao Phương Huệ... đã đi đầu trong chuẩn hóa sản phẩm, tham gia chương trình OCOP và áp dụng khoa học công nghệ với bao bì được thiết kế bắt mắt, mang họa tiết Dao, có chứng nhận an toàn và mã truy xuất nguồn gốc. Giá trị sản phẩm vì thế không chỉ đến từ công dụng mà còn từ câu chuyện văn hóa, tri thức bản địa và uy tín thương hiệu. Sự kết hợp giữa truyền thống và phương thức tiếp cận hiện đại đã giúp thuốc nam của người Dao trở thành sản phẩm vừa mang bản sắc, vừa có khả năng phát triển bền vững trong thị trường hiện nay.

3. Nghề thuốc nam với phát triển kinh tế gia đình của người Dao ở thôn Hợp Sơn hiện nay

3.1. Sự thay đổi trong cơ cấu kinh tế hộ gia đình

Trước đây, kinh tế hộ gia đình của người Dao chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp truyền thống (phát nương, làm rẫy) và khai thác các lâm sản tự nhiên, nghề thuốc nam chỉ phục vụ nhu cầu của gia đình hoặc trao đổi nhỏ lẻ trong cộng đồng, ít khi được xem là một hoạt động kinh tế mang lại thu nhập. Hiện nay, với sự hỗ trợ từ các chính sách của Nhà nước, quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế thị trường, nghề thuốc nam của người Dao đã vượt ra khỏi phạm vi cộng đồng để trở thành hoạt động sinh kế chính mang lại thu nhập ổn định cho các hộ gia đình. Năm 2024, tổng giá trị sản xuất của xã Ba Vì ước đạt 178,7 tỷ đồng, trong đó riêng giá trị từ nghề thuốc nam gần 150 tỷ đồng. Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch mạnh theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp (14,6%) và tăng tỷ trọng thương mại, dịch vụ (85,4%), trong đó chủ yếu là làm thuốc nam (UBND xã Ba Vì, 2024a). Hiện nay, xã Ba Vì có khoảng 350/583 hộ gia đình tham gia làm nghề thuốc nam, riêng tại thôn Hợp Sơn có 120/148 hộ làm nghề thuốc, với 389/587 lao động tham gia (UBND xã Ba Vì, 2024b). Điều này là minh chứng rõ nét cho sự thay đổi không chỉ về phương thức sản xuất, mà còn về tư duy làm kinh tế của người Dao, từ “lấy rừng nuôi thân” sang “bảo vệ rừng, sống cùng rừng”; từ “sản xuất để đủ ăn” sang “sản xuất hàng hóa có giá trị”; từ “giữ nghề trong nhà” đến “đưa nghề ra thị trường”; qua đó, góp phần khẳng định bản sắc văn hóa dân tộc và tăng cường vị thế của người Dao trong bối cảnh hội nhập.

3.2. Nâng cao thu nhập, tạo việc làm và góp phần giảm nghèo

Trong những năm gần đây, đời sống kinh tế của người Dao ở thôn Hợp Sơn đã có bước chuyển mình rõ rệt nhờ sự phát triển mạnh mẽ của nghề thuốc nam truyền thống. Nếu như năm 2019, thu nhập bình quân đầu người của xã Ba Vì là 48,5 triệu đồng/người/năm thì năm 2024 đã tăng lên 74,3 triệu đồng/người/năm (UBND xã Ba Vì, 2024a). Trong sinh kế truyền thống, nguồn thu nhập mang lại thường khá thấp và không ổn định bởi quy mô nhỏ lẻ, tự phát. Do đất đai canh tác ít, cả thôn Hợp Sơn chỉ có 3ha đất ruộng nên thu nhập từ trồng trọt hầu như không đáng kể. Tuy nhiên, từ khi phát triển nghề thuốc nam thì hiệu quả kinh tế mang lại vượt trội. Qua phỏng vấn sâu các hộ gia đình cho biết, thu nhập bình quân của người làm nghề thuốc nam từ 250.000 - 300.000 đồng/ngày, tương đương từ 7 - 9 triệu đồng/tháng, cao hơn 3 lần so với làm nông nghiệp (1 - 2 triệu đồng/tháng); nhiều hộ chế biến thuốc nam quy mô lớn có mức thu nhập

trung bình đạt 30-40 triệu đồng/tháng, điển hình là trường hợp của gia đình bà Triệu T. T; gia đình bà Lý T. H; gia đình ông Dương T. L, thôn Hợp Sơn, xã Ba Vì. Sự gia tăng về thu nhập của người Dao hiện nay không chỉ đến từ việc mở rộng sản xuất, mà còn nhờ sự chuyển đổi trong tư duy làm kinh tế. Trước đây, do kinh tế chủ yếu là tự cấp tự túc, nên tư duy kinh tế của người dân thiên về lối sống tạm thời, tập trung giải quyết nhu cầu ngắn hạn và ít có kế hoạch dài hạn. Các lễ nghi, phong tục của người Dao như: lễ Cấp sắc, Tết Nhảy, lễ cúng Bàn Vương... chi phối cách dùng nguồn lực và ưu tiên cho chi tiêu, việc làm giàu chưa phải là mục tiêu chính mà quan trọng là duy trì gắn kết cộng đồng và truyền thống gia đình. Hiện nay, tư duy kinh tế của người Dao đã có sự thay đổi theo hướng chủ động, nhanh nhạy và định hướng thị trường; nhất là họ đã biết kết hợp tri thức dân gian với tri thức khoa học hiện đại để tổ chức sản xuất hàng hóa, thuê nhân công, đầu tư thiết bị, liên kết thị trường, phát triển mạng lưới phân phối tại hội chợ, bán buôn, bán lẻ và cung cấp cho các cửa hàng thuốc. Nhờ đó, cơ hội mở rộng việc làm cho lao động địa phương tăng mạnh, trung bình mỗi hộ thường thuê từ 3 - 5 lao động, mức lương từ 6 - 8 triệu đồng/người/tháng; các HTX thuê từ 5 - 10 người với mức lương 8 - 10 triệu đồng/người/tháng.

Bên cạnh tạo việc làm và nâng cao thu nhập, sinh kế từ làm thuốc nam còn góp phần cải thiện mức sống và xóa đói giảm nghèo cho người Dao tại địa phương. Nếu như năm 2019, xã Ba Vì có 39 hộ nghèo (chiếm 7,47%) thì đến năm 2024, xã không còn hộ nghèo, chỉ có 12 hộ cận nghèo (chiếm 1,9%) theo chuẩn nghèo đa chiều (UBND xã Ba Vì, 2024b). Số liệu do lãnh đạo thôn Hợp Sơn cung cấp vào tháng 6/2025 cho thấy, thôn không có hộ nghèo, 6 hộ cận nghèo, 23 hộ trung bình, 82 hộ khá và 31 hộ giàu. Một hộ làm thuốc nam chia sẻ: *“Hồi trước làm thuốc chỉ để chữa bệnh cho người trong bản, ít ai nghĩ đây là nghề kiếm sống. Từ năm 2013, khi Yên Sơn được công nhận làng nghề, khách dưới xuôi lên mua ngày một đông. Giờ người làm thuốc nam sống được, thậm chí khá giả, lại được người ta tôn trọng vì giữ nghề của tổ tiên. Tôi vẫn nói với con cháu: làm thuốc nam không chỉ là chữa bệnh mà còn là con đường thoát nghèo của người Dao mình”* (PVS. Triệu V. D, nam, 64 tuổi, thôn Hợp Sơn, 6/2025).

Dưới góc độ dân tộc học/nhân học, sự nâng cao về thu nhập và giảm nghèo của các hộ gia đình người Dao hiện nay không những mang ý nghĩa kinh tế mà còn phản ánh sự thay đổi trong nhận thức về giá trị lao động, quan hệ xã hội và vị thế văn hóa. Trước kia, giá trị lao động của người Dao gắn liền với nông nghiệp “làm bao nhiêu được bấy nhiêu” còn hiện nay, nghề thuốc nam đã giúp họ chuyển từ lao động tự cấp sang lao động dịch vụ dựa trên tri thức dân gian. Có thể xem đây là hình mẫu thành công của sự phát triển kinh tế dựa trên nền tảng văn hóa, nơi thu nhập không đơn thuần là con số mà là biểu tượng của sự phục hồi bản sắc và thích ứng linh hoạt với nền kinh tế thị trường của người Dao.

4. Một số vấn đề đặt ra

4.1. Sự khan hiếm về nguồn dược liệu

Mặc dù nghề thuốc nam của người Dao ở thôn Hợp Sơn là nguồn sinh kế chủ yếu, đóng góp phần lớn vào thu nhập của hộ gia đình, nhưng lại phụ thuộc lớn vào rừng và nguồn dược liệu tự nhiên. Sau khi Vườn Quốc gia Ba Vì được thành lập năm 1991, việc khai thác rừng bị kiểm soát nghiêm ngặt khiến người dân không còn tự do thu hái cây thuốc như trước, từ đó dẫn

đến thiếu hụt nghiêm trọng nguồn dược liệu. Mặt khác, do nghề thuốc mang lại lợi nhuận cao, sau một thời gian dài bị khai thác quá mức, nhiều loại cây thuốc suy giảm về số lượng và không còn được tìm thấy. Hiện nay, có khoảng 280 cây thuốc có nguy cơ cạn kiệt, trong đó 120 loài có thể tuyệt chủng nếu không được bảo tồn (UBND xã Ba Vì, 2024a). Để ứng phó với tình trạng này, người Dao ở thôn Hợp Sơn đã chủ động trồng dược liệu tại vườn nhà, song cũng gặp nhiều khó khăn do đặc điểm sinh thái của cây thuốc chỉ phù hợp ở độ cao trên 400m và nhiệt độ từ 18⁰C - 20⁰C, thích hợp dưới tán rừng ẩm mát. Một số loại cây thuốc quý như hà thủ ô, xạ đen, khô tía, gỏi hạc, địa sản, kim ngân hoa... phải cần từ 10 - 20 năm mới phát huy được dược tính trong khi trồng tại vườn nhà do thiếu điều kiện sinh thái giống rừng nên cây sinh trưởng chậm.

Ngoài trồng dược liệu tại vườn nhà, hiện nay người Dao còn nhập dược liệu từ các tỉnh khác. Tuy nhiên, hoạt động này chỉ mang tính tạm thời, tự phát của từng hộ gia đình nên tình trạng thiếu nguồn dược liệu vẫn đang là bài toán đặt ra. Hơn nữa, khi nghề thuốc muốn phát triển ra thị trường rộng lớn, cần phải có nguồn dược liệu đạt chuẩn GACP-WHO (Thực hành tốt nuôi trồng và thu hái dược liệu theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới), nếu nhập dược liệu ngoài địa phương sẽ khó kiểm chứng được xuất xứ, độ sạch và hàm lượng hoạt chất, ảnh hưởng đến uy tín của các bài thuốc người Dao. Mặt khác, nhập dược liệu khiến người làm thuốc bị phụ thuộc vào giá cả và nguồn cung từ bên ngoài, khi thị trường bị biến động, chi phí nguyên liệu nhập tăng, lợi nhuận của nghề bị giảm. Đối với thế hệ trẻ người Dao, khi phụ thuộc vào nguồn dược liệu nhập, họ ít học được kỹ năng nhận biết, thu hái, bảo quản dược liệu tự nhiên dẫn đến nguy cơ mai một tri thức dân gian truyền thống.

4.2. Thách thức trong hội nhập thị trường và năng lực cạnh tranh

Trong bối cảnh xã hội hiện đại, thị trường dược liệu ngày càng phát triển mạnh mẽ, đòi hỏi các sản phẩm phải đạt tiêu chuẩn cao về chất lượng, an toàn và minh bạch về nguồn gốc. Điều này đang trở thành một thách thức đối với nghề thuốc nam của người Dao ở thôn Hợp Sơn. Một mặt, đây là di sản văn hóa, tri thức dân gian cần được bảo tồn và phát huy; mặt khác, nghề thuốc cũng phải thích ứng với cơ chế thị trường, tiêu chuẩn hiện đại để tồn tại và phát triển bền vững. Trước hết là rào cản về tiêu chuẩn hóa sản phẩm. Theo quy định hiện nay, để được công nhận và lưu hành trên thị trường, sản phẩm thuốc nam cần có giấy phép sản xuất, kiểm định chất lượng, chứng nhận an toàn - vệ sinh, đồng thời, phải có bao bì, nhãn mác, mã QR truy xuất nguồn gốc. Đây là những yêu cầu chính đáng nhằm bảo vệ người tiêu dùng, nhưng lại là bài toán khó đối với nhiều hộ gia đình người Dao ở thôn Hợp Sơn. Hiện nay, chỉ có các HTX, một số công ty dược liệu trên địa bàn và những hộ sản xuất, kinh doanh quy mô lớn đã có bao bì, mã QR truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm thuốc nam, còn một bộ phận các hộ gia đình vẫn duy trì sản xuất thủ công theo kinh nghiệm gia truyền. Do thiếu kiến thức về pháp lý, không am hiểu thủ tục hành chính, tiêu chuẩn thị trường nên họ chưa đủ điều kiện để sản phẩm được công nhận chính thức. Bên cạnh đó, thị trường thuốc nam của người Dao hiện nay phải chịu áp lực cạnh tranh rất lớn bởi các công ty Dược và cơ sở Đông y tư nhân có nguồn lực mạnh. Việc ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử hay marketing trực tuyến về quảng cáo thuốc nam trong cộng đồng người Dao đã có nhưng vẫn còn hạn chế so với xu hướng kinh doanh online ngày càng mạnh như hiện nay. Một vấn đề nghiêm trọng khác là tình trạng giả danh “thầy lang

người Dao” trên mạng xã hội, lợi dụng danh tiếng của làng nghề để quảng cáo và bán thuốc kém chất lượng đã và đang xảy ra. Nhiều đối tượng đã dùng hình ảnh người Dao để livestream bán hàng, thổi phồng công dụng, thậm chí lừa đảo người bệnh. Hiện tượng này không chỉ gây mất an toàn và lòng tin cho người tiêu dùng mà còn làm giảm uy tín của thương hiệu thuốc nam người Dao ở xã Ba Vi. Hơn nữa, đầu ra cho sản phẩm thuốc nam người Dao còn bấp bênh, phụ thuộc nhiều vào khách quen hoặc khách du lịch, không đủ sức cạnh tranh ở thị trường thành phố hay xuất khẩu nên chưa mang tính ổn định lâu dài.

4.3. Bất cập về hành lang pháp lý và sự mai một tri thức dân gian

Mặc dù nghề thuốc nam của người Dao ở thôn Hợp Sơn đã được công nhận là làng nghề truyền thống và chính quyền địa phương đã có những nỗ lực bảo tồn, phát triển nhưng vẫn tồn tại một số khó khăn. Một trong những rào cản lớn nhất hiện nay là thiếu cơ chế pháp lý rõ ràng để công nhận, quản lý và bảo hộ nghề thuốc nam dân tộc. Pháp luật chưa quy định cụ thể cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề cho các thầy thuốc dân tộc. Phần lớn, các lương y người Dao ở thôn Hợp Sơn chỉ hành nghề dựa trên kinh nghiệm gia truyền, không có bằng cấp chính quy nên không đủ điều kiện được cấp phép hành nghề y học cổ truyền. Điều này khiến việc thành lập các doanh nghiệp sản xuất thuốc cổ truyền gặp nhiều trở ngại. Bên cạnh đó, việc bảo hộ tri thức dân gian và các bài thuốc gia truyền chưa có cơ chế cụ thể. Các bài thuốc của người Dao chủ yếu được truyền miệng hoặc ghi chép thủ công, không có đăng ký sáng chế hay thương hiệu tập thể. Khi tri thức này bị khai thác thương mại bởi các cá nhân hoặc doanh nghiệp bên ngoài, người Dao không có cơ sở pháp lý để bảo vệ quyền lợi hay yêu cầu chia sẻ lợi ích.

Song song với khó khăn về pháp lý, tri thức y học truyền thống của người Dao ở thôn Hợp Sơn đang có nguy cơ bị mai một. Tri thức này chủ yếu tồn tại dưới dạng truyền miệng, không có văn bản ghi chép các bài thuốc dẫn đến nguy cơ thất truyền cao. Những lớp thầy lang cao tuổi - người nắm giữ kho tàng bài thuốc quý ngày càng ít đi, trong khi một bộ phận thế hệ trẻ không mặn mà với nghề. Do việc học nghề thuốc đòi hỏi thời gian dài, sự kiên nhẫn và niềm đam mê trong khi giới trẻ ngày nay ít kiên trì, ít chấp nhận gian khổ, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của lối sống hiện đại dẫn đến sự đứt gãy trong truyền dạy và kế thừa tri thức. Bên cạnh đó, do thiếu cơ chế hỗ trợ, công nhận và tôn vinh nghề nên nghề thuốc nam chưa tạo được cơ hội phát triển nghề nghiệp hấp dẫn đối với một bộ phận thanh niên người Dao. Trường hợp gia đình thầy thuốc Dương T. B. ở thôn Hợp Sơn có tám người con nhưng không ai theo nghề là minh chứng điển hình cho sự đứt gãy tri thức truyền thống giữa các thế hệ.

Kết luận

Sự biến đổi nghề thuốc nam của người Dao ở thôn Hợp Sơn từ một hoạt động truyền thống dựa trên tri thức dân gian đến một mô hình kinh tế hàng hóa hiện đại đã phản ánh rõ nét khả năng thích ứng linh hoạt và tinh thần tự đổi mới mạnh mẽ của cộng đồng người Dao. Nếu như trước kia, nghề thuốc chỉ đáp ứng nhu cầu chữa bệnh trong nội bộ tộc người và trao đổi nhỏ lẻ ở phạm vi làng bản thì ngày nay, nghề thuốc nam đã vươn lên trở thành sinh kế chính, góp phần quan trọng vào nâng cao thu nhập, giảm nghèo và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Từ một xã miền núi còn nhiều khó khăn, Ba Vi đã trở thành điểm sáng về

mô hình phát triển sinh kế bền vững. Sự thành công này đã làm rõ thông điệp: khi tri thức dân gian được trân trọng và phát huy đúng hướng sẽ trở thành nguồn lực nội sinh mạnh mẽ, thúc đẩy cộng đồng phát triển toàn diện và bền vững.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận, nghề thuốc nam của người Dao đang phải đối mặt với nhiều thách thức: sự khan hiếm nguồn dược liệu, thách thức trong hội nhập thị trường và năng lực cạnh tranh, bất cập về hành lang pháp lý và sự mai một của tri thức dân gian,... Để khắc phục những vấn đề trên, chính quyền địa phương cần quy hoạch vùng trồng dược liệu gắn với sinh thái rừng, phối hợp với Vườn Quốc gia Ba Vì để giao đất rừng cho người Dao trồng và chăm sóc cây thuốc. Cách làm này vừa giúp phục hồi các loài dược liệu quý, vừa tạo sinh kế ổn định và giảm khai thác tự nhiên. Để nghề thuốc nam tồn tại và phát triển bền vững trong nền kinh tế thị trường, cần chuẩn hóa quy trình sản xuất thuốc theo hướng hiện đại, kết hợp tri thức y học dân gian với khoa học kỹ thuật. Các cơ quan Trung ương cần hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế cấp chứng chỉ hành nghề cho thầy thuốc dân tộc dựa trên tri thức bản địa, đồng thời hướng dẫn đăng ký sở hữu trí tuệ, thương hiệu tập thể và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về y học cổ truyền dân tộc thiểu số. Cộng đồng người Dao cần chủ động bảo tồn, tư liệu hóa tri thức, số hóa bài thuốc và coi nghề thuốc nam là niềm tự hào văn hóa, tạo sinh kế hợp pháp và nâng cao vị thế xã hội./.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Ba Vì (2019), *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Ba Vì (1930-2018)*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
2. Chử Thị Thu Hà (2020), *Văn hóa vật chất của người Dao ở Ba Vì, Hà Nội*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
3. Trần Hồng Hạnh (2002), “Tri thức địa phương trong sử dụng thuốc nam của người Dao Đỏ”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 5, tr. 23-30.
4. Vũ Thị Hồng (2005), *Y học cổ truyền của người Dao xã Ba Vì, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây*, Đề tài tiềm năng, Thư viện Viện Dân tộc học và Tôn giáo học.
5. Bùi Quốc Khánh (2014), “Nghề thuốc nam gia truyền của người Dao Khâu ở Sìn Hồ”, *Tạp chí Nguồn sáng dân gian*, số 3, tr. 80-81.
6. Nguyễn Phúc Quyền (1995), *Sự biến đổi trong tập quán của đồng bào Dao Quần Chẹt xã Ba Vì, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây từ du canh du cư đến định canh, định cư*, Khóa luận tốt nghiệp ngành Lịch sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
7. Nguyễn Thị Tám (2016), “Tri thức địa phương của người Dao về sử dụng thuốc nam trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng dưới góc nhìn văn hóa”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 3, tr. 8-15.
8. Trung tâm Môi trường và Phát triển cộng đồng (2012), *Cây thuốc người Dao Ba Vì*, Quỹ châu Á xuất bản.
9. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2023), *Quyết định về việc ban hành danh mục định hướng các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội*.

10. Ủy ban nhân dân xã Ba Vì (2021), *Báo cáo tình hình phát triển sản xuất kinh doanh của làng nghề thuốc nam thôn Hợp Sơn, xã Ba Vì, huyện Ba Vì*.

11. Ủy ban nhân dân xã Ba Vì (2024a), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025*.

12. Ủy ban nhân dân xã Ba Vì (2024b), *Báo cáo kết quả thực hiện công tác giảm nghèo, hỗ trợ nhà ở hộ nghèo, giải quyết việc làm xã Ba Vì năm 2024; phương hướng, nhiệm vụ năm 2025*.

13. Ủy ban nhân dân xã Ba Vì (2024c), *Báo cáo thành tích đề nghị Ủy ban nhân dân huyện khen thưởng tại Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số huyện Ba Vì lần thứ IV*.

Abstract

TRADITIONAL MEDICINAL PRACTICE OF THE DAO PEOPLE IN BA VI COMMUNE, HANOI: CURRENT STATUS AND EMERGING ISSUES

Pham Thi Thu Ha

Institute of Anthropology and Religious Studies

Vietnam Academy of Social Sciences

This article examines the current status of traditional medicinal practice among the Dao people in Ba Vi Commune, Hanoi, focusing on several aspects: contemporary perceptions of medicinal herb use; changes in the availability of medicinal plant resources; the modernization of production, processing, and preservation methods; innovations in the organizational structure of production; and the expansion of markets and branding of medicinal products. From its origins as a supplementary economic activity within traditional livelihoods, traditional medicine has now become a primary source of livelihood, contributing to economic restructuring, income enhancement, and poverty reduction for households. However, this practice also faces several challenges, including the depletion of natural medicinal resources, market integration and competitiveness pressures, inadequacies in the legal framework, and the erosion of indigenous knowledge. Based on these findings, the article proposes recommendations for preserving and developing the Dao people's traditional medicinal practice in the context of socio-economic integration.

Keywords: Ethnic livelihoods, Traditional medicine, Dao people, Ba Vi, Hanoi.